

NGHỊ QUYẾT
Về việc thẩm định kết quả đánh giá chất lượng
chương trình đào tạo trình độ cao đẳng ngành Giáo dục mầm non
của Trường Cao đẳng Sơn La

HỘI ĐỒNG KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

Căn cứ Thông tư số 02/2020/TT-BGDĐT ngày 29 tháng 11 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định về tiêu chuẩn đánh giá chất lượng chương trình đào tạo giáo viên trình độ cao đẳng sư phạm và trung cấp sư phạm;

Căn cứ Thông tư số 04/2025/TT-BGDĐT ngày 17 tháng 02 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về kiểm định chất lượng chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học;

Căn cứ Quyết định số 685/QĐ-KĐCLGDTL ngày 04 tháng 7 năm 2025 của Giám đốc Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục Thăng Long về việc kiện toàn nhân sự Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục;

Căn cứ hồ sơ thẩm định kết quả đánh giá chất lượng giáo dục chương trình đào tạo trình độ cao đẳng ngành Giáo dục mầm non của Trường Cao đẳng Sơn La;

Căn cứ kết quả thẩm định của Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục phiên họp thứ 21 ngày 21 tháng 8 năm 2025.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thống nhất với kết quả đánh giá chất lượng giáo dục chương trình đào tạo trình độ cao đẳng ngành Giáo dục mầm non của Trường Cao đẳng Sơn La. Đoàn Đánh giá ngoài đã thực hiện đánh giá chất lượng giáo dục chương trình đào tạo trình độ cao đẳng ngành Giáo dục mầm non của Trường Cao đẳng Sơn La đúng quy định hiện hành.

Kết quả đánh giá chất lượng giáo dục chương trình đào tạo trình độ cao đẳng ngành Giáo dục mầm non của Trường Cao đẳng Sơn La sau thẩm định là: Số tiêu chí được đánh giá “Đạt” từ 4 điểm trở lên là 39 tiêu chí (chiếm 91%), trong đó mỗi tiêu chuẩn có ít nhất 50% số tiêu chí đạt yêu cầu (Chi tiết trong Phụ lục I kèm theo Nghị quyết này).

Điều 2. Kiến nghị Trường Cao đẳng Sơn La cần thực hiện các nhóm giải pháp nâng cao chất lượng giáo dục chương trình đào tạo trình độ cao đẳng ngành Giáo dục mầm non (Chi tiết trong Phụ lục II kèm theo Nghị quyết này).

Điều 3. Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục đề nghị Giám đốc Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục Thăng Long cấp Giấy chứng nhận kiểm định chất lượng chương trình đào tạo trình độ cao đẳng ngành Giáo dục mầm non của Trường Cao đẳng Sơn La theo quy định hiện hành./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Hội đồng KĐCLGD;
- Trường CĐ Sơn La;
- Lưu: VT.

**TM. HỘI ĐỒNG
CHỦ TỊCH**



TRUNG TÂM
KIỂM ĐỊNH
CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC
THĂNG LONG

Nguyễn Văn Đường



Phụ lục I
KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ CHẤT LƯỢNG

Chương trình đào tạo trình độ cao đẳng ngành Giáo dục Mầm non
của Trường Cao đẳng Sơn La

(Kèm theo Nghị quyết số 102/NQ-HĐKĐCLGD ngày 23/8/2025
của Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục)

Tiêu chuẩn, tiêu chí	Đánh giá tiêu chí	Tổng hợp theo tiêu chuẩn		
		Mức trung bình	Số tiêu chí đạt	Tỷ lệ số tiêu chí đạt (%)
Tiêu chuẩn 1		3,67	2	66,67
Tiêu chí 1.1	4			
Tiêu chí 1.2	3			
Tiêu chí 1.3	4			
Tiêu chuẩn 2		4,00	3	100
Tiêu chí 2.1	4			
Tiêu chí 2.2	4			
Tiêu chí 2.3	4			
Tiêu chuẩn 3		3,67	2	66,67
Tiêu chí 3.1	4			
Tiêu chí 3.2	3			
Tiêu chí 3.3	4			
Tiêu chuẩn 4		3,67	2	66,67
Tiêu chí 4.1	4			
Tiêu chí 4.2	4			
Tiêu chí 4.3	3			
Tiêu chuẩn 5		4,33	6	100
Tiêu chí 5.1	5			
Tiêu chí 5.2	4			
Tiêu chí 5.3	4			
Tiêu chí 5.4	5			
Tiêu chí 5.5	4			
Tiêu chí 5.6	4			
Tiêu chuẩn 6		3,80	4	80
Tiêu chí 6.1	4			
Tiêu chí 6.2	4			
Tiêu chí 6.3	3			
Tiêu chí 6.4	4			
Tiêu chí 6.5	4			

Tiêu chuẩn, tiêu chí	Đánh giá tiêu chí	Tổng hợp theo tiêu chuẩn		
		Mức trung bình	Số tiêu chí đạt	Tỷ lệ số tiêu chí đạt (%)
Tiêu chuẩn 7		4,17	6	100
Tiêu chí 7.1	4			
Tiêu chí 7.2	4			
Tiêu chí 7.3	4			
Tiêu chí 7.4	5			
Tiêu chí 7.5	4			
Tiêu chí 7.6	4			
Tiêu chuẩn 8		4,00	4	100
Tiêu chí 8.1	4			
Tiêu chí 8.2	4			
Tiêu chí 8.3	4			
Tiêu chí 8.4	4			
Tiêu chuẩn 9		4,00	7	100
Tiêu chí 9.1	5			
Tiêu chí 9.2	4			
Tiêu chí 9.3	4			
Tiêu chí 9.4	4			
Tiêu chí 9.5	4			
Tiêu chí 9.6	4			
Tiêu chí 9.7	5			
Tiêu chuẩn 10		4,00	3	100
Tiêu chí 10.1	4			
Tiêu chí 10.2	4			
Tiêu chí 10.3	4			

Mức trung bình	Số tiêu chí đạt	Tỷ lệ số tiêu chí đạt (%)
4,02	39	91



Phụ lục II KIẾN NGHỊ CẢI TIẾN CHẤT LƯỢNG

Chương trình đào tạo trình độ cao đẳng ngành Giáo dục Mầm non của Trường Cao đẳng Sơn La

(Kèm theo Nghị quyết số 102/NQ-HĐKĐCLGD ngày 23/8/2025
của Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục)

I. NHỮNG ĐIỂM MẠNH NỔI BẬT

Kết quả đánh giá chất lượng chương trình đào tạo (CTĐT) trình độ cao đẳng ngành Giáo dục mầm non (GDMN) của Trường Cao đẳng Sơn La, giai đoạn 2019 - 2024 cho thấy có những điểm mạnh cần tiếp tục phát huy như sau:

1. Mục tiêu của CTĐT được xác định rõ ràng, phù hợp với sứ mạng và mục tiêu của Trường, phù hợp với mục tiêu giáo dục nghề nghiệp được quy định tại Luật giáo dục nghề nghiệp và định hướng phát triển kinh tế - xã hội của địa phương từng giai đoạn. chuẩn đầu ra của CTĐT phản ánh được mục tiêu của CTĐT, bám sát yêu cầu của Khung trình độ quốc gia Việt Nam, yêu cầu của chuẩn nghề nghiệp giáo viên mầm non, phản ánh được yêu cầu của các bên liên quan; được định kì rà soát, điều chỉnh và được công bố công khai.

2. Bản mô tả CTĐT cơ bản có đầy đủ thông tin, được rà soát và cập nhật. Các đề cương học phần được thiết kế theo mẫu chung, cơ bản có đầy đủ thông tin, được rà soát và cập nhật. Bản mô tả CTĐT và đề cương học phần cập nhật những vấn đề mới liên quan đến GDMN; được công bố công khai để các bên liên quan có thể tiếp cận.

3. Chương trình dạy học được thiết kế dựa trên chuẩn đầu ra, có đầy đủ các khối kiến thức chung, kiến thức cơ bản, kiến thức chuyên ngành, kiến thức nghiệp vụ sư phạm, học phần thay thế khóa luận tốt nghiệp. Chương trình dạy học có cấu trúc, trình tự logic, nội dung cập nhật và có tính tích hợp. Chương trình dạy học được rà soát, có đối sánh với một số CTĐT trong nước và cập nhật định kỳ.

4. Mục tiêu giáo dục được tuyên bố chính thức và công bố công khai bằng các hình thức khác nhau; được tất cả cán bộ, giảng viên, người học của trường hiểu rõ và thực hiện, được phổ biến đến các bên liên quan. Hoạt động dạy và học được thiết kế phù hợp để đạt được chuẩn đầu ra. Đề cương chi tiết học phần trong CTĐT ban hành năm 2022 và năm 2023 thể hiện việc xây dựng tổ hợp các phương pháp giảng dạy đa dạng, phù hợp với từng nội dung giảng dạy để giúp người học đạt được chuẩn đầu ra, đáp ứng yêu cầu thực tiễn. Các hoạt động giảng dạy thúc đẩy việc rèn luyện các kỹ năng, nâng cao khả năng học tập suốt đời của người học.

5. Chính sách tuyển sinh được thể hiện rõ ràng, đúng các quy định hiện hành và được cập nhật hằng năm, có sự góp ý của các bên liên quan và được phổ biến công khai. Thông tin về ngành học, CTĐT, chương trình dạy học, đề cương môn học hoặc học phần và việc tổ chức thực hiện được mô tả rõ ràng, đầy đủ và dễ tiếp cận. Tất cả sinh viên đều được phổ biến và thụ hưởng các quy định về miễn học phí và hưởng chính sách ưu tiên trong xét cấp học bổng, trợ cấp xã hội,

chế độ cử tuyển. Các hoạt động hỗ trợ, tư vấn học tập, việc làm, các hoạt động ngoại khóa, thi đua, ... được tổ chức thực hiện, được sinh viên đánh giá cao. Môi trường tâm lý, xã hội, môi trường làm việc thân thiện, thoải mái. Cảnh quan sư phạm cơ bản sạch sẽ, an toàn được giảng viên, sinh viên đánh giá cao.

6. Quy định, kế hoạch đánh giá kết quả học tập của người học rõ ràng, công bố công khai, thể hiện rõ thời gian, hình thức, phương pháp, tiêu chí, trọng số, cơ chế phản hồi và các nội dung liên quan. Kết quả đánh giá được lưu trữ có hệ thống, được thông báo kịp thời để người học cải thiện việc học tập. Quy trình khiếu nại kết quả thi tốt nghiệp của người học được quy định rõ ràng, được công bố công khai, dễ dàng tiếp cận.

7. Đội ngũ cán bộ quản lý có phẩm chất đạo đức, đáp ứng yêu cầu về trình độ chuyên môn; được học tập chính trị, đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ; thực hiện có hiệu quả nhiệm vụ quản lý theo vị trí việc làm. Đội ngũ giảng viên có phẩm chất đạo đức, đáp ứng yêu cầu về số lượng và cơ cấu chuyên môn; có trình độ chuyên môn, nghiệp vụ đạt chuẩn theo quy định; có năng lực chuyên môn và kỹ năng sư phạm đáp ứng được yêu cầu đào tạo và nghiên cứu khoa học của CTĐT; thực hiện có hiệu quả nhiệm vụ đào tạo. Năng lực đội ngũ giảng viên được đánh giá; được đào tạo, bồi dưỡng với số lượng lớn, có trên 1700 lượt giảng viên được đào tạo, bồi dưỡng các nội dung liên quan trực tiếp đến chuyên môn và kỹ năng sư phạm trong 5 năm của chu kỳ đánh giá. Đội ngũ nhân viên, kỹ thuật viên, cán bộ hành chính có năng lực chuyên môn và phẩm chất đạo đức đáp ứng yêu cầu vị trí việc làm. Quy trình tuyển dụng, bổ nhiệm, sử dụng cán bộ quản lý, giảng viên, giáo viên và nhân viên được xây dựng bảo đảm đúng quy định, công khai và minh bạch.

8. Nhà trường có đủ hệ thống phòng chức năng, phòng học, phòng làm việc, phòng thực hành phù hợp, tỷ lệ diện tích sàn xây dựng/sinh viên rất cao; các trang thiết bị cơ bản đầy đủ. Thư viện rộng rãi, cơ bản đầy đủ các trang thiết bị và các phòng chức năng. Học liệu cơ bản đầy đủ cả bản cứng và bản điện tử, bảo đảm quy định về sở hữu trí tuệ. Phần mềm quản lý thư viện có đầy đủ các dữ liệu về số tài liệu, giáo trình, lượng người truy cập, mượn trả. Đồ dùng dạy học và hệ thống công nghệ thông tin cơ bản đáp ứng nhu cầu của CTĐT, được duy tu, bảo dưỡng định kỳ. Hệ thống công nghệ thông tin cơ bản hoạt động ổn định, an toàn. Các quy định về môi trường, sức khỏe và an toàn được xác định và thực hiện theo quy định được người học và giảng viên đánh giá cao.

9. Chính sách quản lý chất lượng theo Hệ thống ISO 9001:2015 sớm được áp dụng, phù hợp với hoạt động bảo đảm chất lượng, được rà soát, đánh giá để thực hiện hiệu quả các hoạt động bảo đảm, nâng cao chất lượng CTĐT. Hoạt động thực tập sư phạm được quy định rõ ràng trong các văn bản của Trường, được chuẩn bị kỹ lưỡng. Các trường mầm non được Trường lựa chọn làm nơi thực tập sư phạm là các Trường đạt chuẩn quốc gia, bảo đảm chất lượng cho hoạt động thực tập sư phạm. Hoạt động kiến tập và thực tập sư phạm được thực hiện hiệu quả, được thực hiện theo hướng dẫn, chỉ đạo của của Sở Giáo dục và Đào tạo và sự chỉ đạo, giám sát trực tiếp của các Phòng Giáo dục và Đào tạo địa phương,

được tổng kết, đánh giá làm cơ sở nâng cao chất lượng các hoạt động kiến tập và thực tập sư phạm. Hoạt động rà soát và đánh giá quá trình dạy, học và đánh giá kết quả học tập của người học được quy định cụ thể, rõ ràng, được rà soát và đánh giá thường xuyên để bảo đảm sự tương thích và phù hợp với chuẩn đầu ra. Chất lượng các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích của thư viện, phòng thực hành, hệ thống công nghệ thông tin và các dịch vụ hỗ trợ khác được quy định rõ ràng, được đánh giá thường xuyên và cải tiến. Hệ thống thu thập thông tin phản hồi và nhu cầu của các bên liên quan được thiết lập. Thông tin phản hồi và nhu cầu của các bên liên quan được thu thập, xử lý và sử dụng để thiết kế/phát triển chương trình dạy học. Quy trình thiết kế và phát triển CTĐT và chương trình dạy học của Trường được thiết lập, được rà soát, đánh giá và cải tiến theo tiêu chuẩn chất lượng ISO 9001:2015, được UKAS cấp Giấy chứng nhận số 119101 cho 2 chu kỳ liên tiếp từ ngày 30/12/2019 đến ngày 30/12/2025.

10. Tỷ lệ thôi học, tốt nghiệp được xác lập, giám sát và đối sánh. Tỷ lệ người học thôi học thấp và giảm dần trong những năm gần đây; tỷ lệ tốt nghiệp đứng hạn cao. Tỷ lệ có việc làm sau tốt nghiệp cao; được xác lập, giám sát, cập nhật thường xuyên và đối sánh để có giải pháp hỗ trợ, nâng cao tỷ lệ và cải tiến chất lượng. Công tác khảo sát mức độ hài lòng của các bên liên quan được triển khai đều đặn, có hệ thống. Số liệu thu thập được phong phú, chi tiết. Các đơn vị, phòng ban khoa hầu hết trực tiếp tham gia vào việc thu thập ý kiến về các nội dung liên quan. Mức độ hài lòng của các bên liên quan về các hoạt động đào tạo, dịch vụ hỗ trợ, cơ sở vật chất được đánh giá ở mức cao, có đối sánh để cải tiến chất lượng.

II. KIẾN NGHỊ

Tuy nhiên, CTĐT còn những điểm tồn tại cần khắc phục (Chi tiết như đã nêu trong Báo cáo đánh giá ngoài của đoàn Đánh giá ngoài). Trên cơ sở hồ sơ thẩm định và kết quả thảo luận tại phiên họp, Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục kiến nghị Nhà trường cần xây dựng kế hoạch cải tiến chất lượng theo 10 nhóm giải pháp sau đây:

1. Phân tích, đánh giá về sự phù hợp của mục tiêu CTĐT với sứ mệnh, mục tiêu đào tạo của Trường, với mục tiêu đào tạo khối ngành sư phạm, mục tiêu giáo dục nghề nghiệp và định hướng phát triển kinh tế - xã hội của địa phương từng giai đoạn; rà soát chuẩn đầu ra, đánh giá tính tương thích của chuẩn đầu ra với mục tiêu của CTĐT, Khung trình độ quốc gia Việt Nam, chuẩn nghề nghiệp giáo viên mầm non; rà soát, chỉnh sửa cách diễn đạt chuẩn đầu ra rõ ràng, bảo đảm đo lường, đánh giá được; bổ sung chuẩn đầu ra về kỹ năng thiết kế, tổ chức, điều chỉnh hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ; tổ chức các hội thảo/tập huấn về xây dựng CTĐT theo tiếp cận chuẩn đầu ra cho đội ngũ giảng viên và có hướng dẫn cụ thể giúp giảng viên thực hiện tốt khi xây dựng/phát triển CTĐT; Rà soát, điều chỉnh phiếu khảo sát ý kiến và tăng cường số lượng chuyên gia góp ý, khảo sát về chuẩn đầu ra của CTĐT để thu được nhiều ý kiến đóng góp giá trị làm cơ sở điều chỉnh chuẩn đầu ra; tổng kết, đánh giá hoạt động phổ biến, giới thiệu, quảng bá chuẩn đầu ra của CTĐT, nâng cao hiệu quả truyền thông về chuẩn đầu ra của CTĐT tới người học và các bên liên quan.

2. Rà soát khung CTĐT, chỉnh sửa đề mục và sắp xếp khối kiến thức phù hợp theo quy định; tăng tỉ lệ học phần và số học phần tự chọn; điều chỉnh số giờ lý thuyết/thực hành cho hợp lý; ghép học phần có nội dung liên quan, phù hợp tạo thành học phần mới từ 2 tín chỉ trở lên mang tính tích hợp; rà soát, chỉnh sửa bảng ma trận mối quan hệ giữa các học phần và chuẩn đầu ra của CTĐT theo hướng tất cả các chuẩn đầu ra đều có mối liên hệ với các học phần và được phân nhiệm rõ ràng, phù hợp với nhóm các học phần; nên sử dụng thang I - R - M để xác định mức độ đóng góp của học phần với chuẩn đầu ra; chỉnh sửa, bổ sung nội dung “Chiến lược giảng dạy - học tập”; “Chiến lược và phương pháp đánh giá” thể hiện rõ định hướng dạy - học, kiểm tra đánh giá đáp ứng chuẩn đầu ra cũng như một số định hướng mới về dạy học và kiểm tra đánh giá; rà soát, bổ sung, điều chỉnh những thông tin còn thiếu, chưa phù hợp trong đề cương học phần; rà soát, điều chỉnh phiếu khảo sát ý kiến và tăng cường số lượng chuyên gia góp ý, khảo sát về đề cương học phần; điều chỉnh giao diện trang thông tin của Trường/Khoa, đa dạng hình thức công khai Bản mô tả CTĐT và đề cương học phần để tạo sự thuận lợi, dễ dàng cho các bên liên quan tiếp cận và truy cập.

3. Xây dựng văn bản quy định, hướng dẫn về thang đánh giá mức đóng góp của học phần đối với chuẩn đầu ra của CTĐT; rà soát mức độ đóng góp của các khối kiến thức, các học phần đối với chuẩn đầu ra của CTĐT; tổ chức các hội thảo/tập huấn về phương pháp dạy học, phương pháp kiểm tra đánh giá, đặc biệt là dạy học, kiểm tra đánh giá tiếp cận, đáp ứng chuẩn đầu ra cho đội ngũ giảng viên; hướng dẫn và triển khai việc đánh giá sự phù hợp của các phương pháp dạy học, phương pháp kiểm tra đánh giá của các học phần nhằm đo lường mức độ đóng góp vào việc đạt chuẩn đầu ra của CTĐT; rà soát, lựa chọn, bổ sung phương pháp dạy học, phương pháp kiểm tra đánh giá vào các học phần để bảo đảm sự phù hợp, đa dạng của nội dung, phương pháp dạy học, phương pháp kiểm tra đánh giá và hỗ trợ tốt nhất việc đạt được chuẩn đầu ra; cụ thể hóa phương pháp dạy học bằng hoạt động dạy - học trong đề cương học phần để sinh viên chủ động kế hoạch học tập; rút ngắn thời gian rà soát, điều chỉnh CTĐT/chương trình dạy học; điều chỉnh phiếu khảo sát ý kiến và tăng cường số lượng chuyên gia góp ý, khảo sát về chương trình dạy học.

4. Đa dạng hoá phương pháp truyền thông, tổ chức tổng kết, đánh giá hoạt động phổ biến, giới thiệu, quảng bá mục tiêu giáo dục đến hoạt động cải thiện hoạt động dạy, học trong Nhà trường; xây dựng, ban hành văn bản hướng dẫn sử dụng các phương pháp giảng dạy, phương pháp kiểm tra đánh giá phù hợp với từng thang, bậc nhận thức tương ứng với mức đạt được chuẩn đầu ra; hướng dẫn thiết kế và sử dụng rubrics làm công cụ đánh giá kết quả học tập; bổ sung đề cương chi tiết các học phần nội dung về hướng dẫn người học sử dụng các hoạt động học tập cụ thể, phù hợp nhằm giúp người học chủ động tiếp thu, lĩnh hội kiến thức nhằm đạt được chuẩn đầu ra; tăng cường các hoạt động ngoại khóa về kỹ năng thực hành, kỹ năng sư phạm, kỹ năng tư vấn tâm lý, kỹ năng xử lý tình huống đối với trẻ khi gặp khó khăn và xử lý đối với phụ huynh; sớm ứng dụng hệ thống LMS vào hoạt động dạy và học, sẵn sàng cho các hoạt động dạy - học trực tuyến.

5. Định kỳ/thường xuyên phân tích, dự báo nguồn nhân lực về giáo viên

mầm non làm cơ sở xác định chỉ tiêu tuyển sinh; nâng cấp công thông tin của Trường, Khoa để dàng truy cập hơn nhằm tham khảo CTĐT và các nội dung khác; định kỳ tổng kết thực hiện chính sách ưu tiên trong tuyển sinh và hỗ trợ học tập để có cơ sở cải tiến; có kế hoạch, giải pháp hỗ trợ người học trong hoạt động khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số; khảo sát giảng viên, sinh viên đánh giá về môi trường tâm lý, xã hội; kết quả khảo sát các bên liên quan cần phân chia theo từng CTĐT/ngành học để đối sánh, đánh giá.

6. Rà soát các quy định về kiểm tra đánh giá, cách tính điểm các học phần thực hành như kiến tập, thực tập sư phạm; xây dựng tài liệu hướng dẫn giúp giảng viên thiết kế phương pháp, công cụ kiểm tra đánh giá phù hợp với từng thang bậc nhận thức tương ứng với mức độ đạt được chuẩn đầu ra; rà soát, phân tích, đánh giá mức độ phù hợp của các hình thức kiểm tra đánh giá đối với mức độ đạt được chuẩn đầu ra của các học phần để làm căn cứ cải tiến việc thiết kế hoạt động kiểm tra đánh giá. Rà soát mức độ đóng góp của các chuẩn đầu ra học phần với chuẩn đầu ra của CTĐT để lựa chọn các chuẩn đầu ra cốt lõi tương ứng với từng phương thức đánh giá để đưa vào nội dung đánh giá kết thúc học phần, tránh trường hợp đưa quá nhiều chuẩn đầu ra của học phần vào đánh giá ở bài thi kết thúc học phần; tăng cường giám sát chặt chẽ khâu tổ chức thi; định kỳ tổ chức hội thảo về công tác khảo thí để tổng kết, đánh giá, rút kinh nghiệm về chất lượng, hiệu quả của công tác khảo thí.

Triển khai thực hiện định kỳ tổ chức rà soát, đánh giá các phương thức thi, chất lượng đề thi của tất cả các học phần theo kế hoạch đào tạo; ban hành văn bản hướng dẫn chung, thống nhất về cách thức triển khai phân tích đánh giá độ tin cậy, độ giá trị của đề thi đồng bộ, định lượng bằng các phần mềm chuyên dụng cho tất cả các học phần theo kế hoạch đào tạo. Triển khai cho giảng viên thực hiện báo cáo đánh giá môn học sau khi có kết quả thi đánh giá học phần nhằm đánh giá mức độ đạt chuẩn đầu ra của từng học phần; xác định các học phần cốt lõi trong CTĐT để đo lường, đánh giá mức độ đạt chuẩn đầu ra của CTĐT; tiếp tục tăng cường xây dựng bổ sung ngân hàng câu hỏi thi đối với tất cả các học phần.

Tổ chức việc lấy ý kiến sinh viên, cựu sinh viên về việc phản hồi kết quả học tập định kỳ, đa dạng về hình thức và có hệ thống câu hỏi riêng nhằm thu thập thông tin dữ liệu cần thiết cho việc cải tiến; cập nhật, bổ sung các mốc thời gian quy định và cụ thể hoá quy trình phúc khảo kết quả học tập; xây dựng phương án thực hiện việc đăng ký và phản hồi phúc khảo trên công thông tin sinh viên nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho sinh viên và các đơn vị liên quan trong công tác giám sát, phù hợp với tinh thần chuyển đổi số quốc gia.

7. Chú trọng đào tạo, bồi dưỡng về nâng cao năng lực và kỹ năng lãnh đạo, quản lý, về bảo đảm chất lượng giáo dục và nghiệp vụ kiểm định chất lượng giáo dục cho đội ngũ cán bộ quản lý; có chính sách thúc đẩy đội ngũ cán bộ quản lý đi đào tạo trình độ sau đại học, đặc biệt ở trình độ tiến sĩ; bổ sung số lượng giảng viên có chuyên ngành GDMN, có giải pháp cân bằng giới trong đội ngũ giảng viên của CTĐT; khuyến khích, hỗ trợ, thúc đẩy giảng viên tham gia biên soạn giáo trình, sách tham khảo/chuyên khảo và tăng cường thực hiện các nhiệm vụ

nghiên cứu khoa học khác; chú trọng bồi dưỡng giảng viên về phát triển CTĐT, ngoại ngữ, ứng dụng tin học vào thiết kế các hoạt động giảng dạy - học tập, kiến thức về bảo đảm chất lượng giáo dục; có giải pháp phù hợp nâng cao và giữ ổn định mức độ hài lòng của sinh viên đối với hoạt động giảng dạy của giảng viên; tăng cường các lớp/khóa đào tạo, bồi dưỡng theo vị trí việc làm nhằm nâng cao năng lực chuyên môn, nghiệp vụ phục vụ hiệu quả công việc của đội ngũ nhân viên; quan tâm nội dung đào tạo, bồi dưỡng về bảo đảm chất lượng và kiểm định chất lượng giáo dục cho cán bộ, nhân viên trong trường; làm rõ hơn tiêu chí tuyển dụng, sử dụng nhân viên trong tiêu chí, quy trình tuyển dụng, sử dụng nhân viên phục vụ hỗ trợ dùng chung.

8. Sắp xếp, bố trí, mở rộng diện tích và trang thiết bị cho các phòng làm việc của giảng viên ngành GDMN; tăng cường đầu tư hệ thống công nghệ thông tin theo kế hoạch chuyển đổi số của Trường nhằm phục vụ hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học và quản lý của Trường đồng bộ và hiệu quả hơn; xây dựng và ban hành các văn bản quy định về các tiêu chí của môi trường, sức khỏe và an toàn; xây dựng, sửa chữa khuôn viên trường cần lưu ý đến nhu cầu của người khuyết tật; triển khai thực hiện hoạt động khám sức khỏe cho sinh viên theo đúng quy định; đẩy nhanh hoạt động cải tạo, sửa chữa cảnh quan khuôn viên trường nhằm bảo đảm an toàn và vệ sinh trong toàn trường.

9. Rà soát chính sách bảo đảm chất lượng, đầu tư đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ, giảng viên, chuyên viên về bảo đảm chất lượng, nâng cao số lượng, chất lượng đội ngũ cán bộ, giảng viên, chuyên viên, đặc biệt là đội ngũ cán bộ chuyên trách; rà soát quy chế đào tạo và CTĐT của trường, bổ sung điều kiện của cơ sở giáo dục mầm non được công nhận đạt chuẩn quốc gia hoặc đạt kiểm định chất lượng giáo dục làm cơ sở để người học đến thực tập sư phạm; tổ chức tổng kết và đánh giá tổng hợp hoạt động thực tập sư phạm hằng năm để có các giải pháp nâng cao chất lượng thực tập sư phạm một cách tổng thể; rà soát các tiêu chí khảo sát phương pháp dạy học và phương pháp đánh giá kết quả học tập của giảng viên, bổ sung thông tin thể hiện sự tương thích và phù hợp với chuẩn đầu ra của CTĐT, tách riêng kết quả khảo sát cho CTĐT; rà soát, sắp xếp lại các tiêu chí trong khảo sát chất lượng dịch vụ hỗ trợ và tiện ích của hệ thống công nghệ thông tin còn tản mạn, thiếu thông tin về chất lượng truy cập mạng internet, độ phủ và chất lượng của mạng wifi các khu vực phòng học và ký túc xá của Trường; chú trọng khảo sát nhu cầu đào tạo nguồn nhân lực, yêu cầu về năng lực tại các vị trí việc làm cơ sở rà soát, điều chỉnh và phát triển CTĐT, chương trình dạy học; tăng cường hoạt động giám sát, đánh giá việc thực hiện các quy trình thiết kế và phát triển chương trình dạy học; tổ chức tập huấn, hội thảo chuyên đề, tăng cường năng lực thực hiện Quy trình thiết kế và phát triển chương trình dạy học.

10. Phân tích, đánh giá tỷ lệ thôi học, tốt nghiệp hàng năm và thực hiện đối sánh hàng năm về tỷ lệ thôi học, tỷ lệ tốt nghiệp một cách đầy đủ, toàn diện, phục vụ cải tiến chất lượng CTĐT; trong giai đoạn tới thực hiện đối sánh tỷ lệ người học có việc làm giữa CTĐT GDMN với các CTĐT (nghề) khác trong Trường, giữa CTĐT GDMN với các cơ sở đào tạo khác; nghiên cứu, đánh giá toàn diện công tác khảo sát mức độ hài lòng của các bên liên quan; thực hiện đối sánh kết

quả khảo sát và sử dụng trong lập kế hoạch cải tiến chất lượng Nhà trường; sớm sử dụng các công cụ/phần mềm hỗ trợ công tác khảo sát để giảm thiểu hoạt động thủ công, tiết kiệm thời gian công sức và nâng cao hiệu quả tổng hợp, sử dụng trong cải tiến chất lượng giáo dục và đào tạo.

Trên đây là những kiến nghị của Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục với 10 nhóm giải pháp, Nhà trường cần nghiên cứu kỹ Báo cáo đánh giá ngoài của đoàn Đánh giá ngoài để xây dựng kế hoạch với những giải pháp cụ thể và triển khai thực hiện cải tiến chất lượng chương trình đào tạo trình độ cao đẳng ngành Giáo dục mầm non, của Nhà trường. Sau nửa chu kỳ kiểm định chất lượng giáo dục (vào thời điểm 2,5 năm sau khi được công nhận đạt tiêu chuẩn chất lượng giáo dục), Nhà trường cần có báo cáo kết quả thực hiện cải tiến chất lượng chương trình đào tạo gửi Bộ Giáo dục và Đào tạo và Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục Thăng Long theo quy định hiện hành./.